SỞ GD&ĐT HẢI PHÒNG
**TRƯỜNG THPT THUỶ HƯƠNG**

# CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM CHO HỌC SINH DIỆN CHÍNH SÁCH, CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN
## NĂM HỌC 2023- 2024

*(Kèm theo Quyết định số:245/QĐ-THPTTH ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường THPT Thuỵ Hương)*

| Stt | Đối tượng học sinh | Học thêm | Quỹ CMHS | Tin nhắn | Đồng phục | Vở | Gửi xe | KNS | Nước uống |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ, ko có người nương tựa | Miễn | Miễn | Miễn | 300,000 đ | 325,000 đ | Miễn | Miễn | Miễn |
| 2 | Con GV, NV trường | Miễn | Miễn | Miễn | 300,000 đ | | Miễn | Miễn | Miễn |
| 3 | Học sinh khuyết tật, con thương binh, con bệnh binh, diện Hộ Nghèo, | Miễn | Miễn | 50% | 230,000 đ | 90,000 đ | Miễn | Miễn | Miễn |
| 4 | Học sinh diện Hộ cận nghèo | 50% | 50% | | 100,000 đ | 50,000 đ | 50% | 50% | 50% |
| 5 | Học sinh có hoàn cảnh khó khăn chưa đến mức nghèo, cận nghèo, có xác nhận của xã, phường | 50% | 50% | | 70,000 đ | | 50% | 50% | 30% |
| 6 | Có anh chị em học cùng trường | | 50% | 50% | | | | | |

SỞ GD&ĐT HẢI PHÒNG
**TRƯỜNG THPT THỤY HƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 245/QĐ-THPTTH

*Hải Phòng, ngày 29 tháng 9 năm 2023*

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc miễn, giảm các khoản thu cho học sinh, Năm học 2023 - 2024**

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT THỤY HƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng

Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ quyết định 1932/2006/QĐ-UBND ngày 30/8/2006 của UBND thành phố Hải Phòng về việc thành lập Trường THPT Thụy Hương trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của học sinh,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1**. Thực hiện chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, dịch vụ cho học sinh năm học 2023 – 2024. *(có danh sách kèm theo)*

**Điều 2**. Các cá nhân có tên tại điều 1 được hưởng chế độ theo quy định hiện hành.

**Điều 3**. Các ông/bà giáo viên chủ nhiệm, kế toán, thủ quỹ và các học sinh có tên trong điều 1 căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ./.

***Nơi nhận***:
- Như điều 3
- Lưu VT, KT.

**HIỆU TRƯỞNG**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THỤY HƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**Phạm Trung Diện**

**Trường THPT Thụy Hương** Biểu 01

**DANH SÁCH HỌC SINH KHUYẾT TẬT, TRẺ MỒ CÔI, CON THƯƠNG BINH BỆNH BINH, HỌC SINH DIỆN HỘ NGHÈO NĂM HỌC 2023-2024**

| Stt | Họ và tên học sinh | Lớp | Ghi rõ đối tượng, năm…. | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Hồng Hưởng | 10C2 | Con thương binh | |
| 2 | Phan Mạnh Toàn | 10C3 | Hộ nghèo năm 2023 số thứ tự 57 | |
| 3 | Đinh Thị Khánh Ly | 10C3 | Học sinh khuyết tật | |
| 4 | Phạm Thị Sao Mai | 10C4 | Con thương binh | |
| 5 | Hoàng Gia Khanh | 10C4 | Hộ nghèo năm 2023 số thứ tự 12 | |
| 6 | Bùi Thị Thanh Huyền | 10C4 | Hộ nghèo năm 2023 số thứ tự 41 | |
| 7 | Phạm Thị Khánh Ly | 10C5 | Hộ nghèo năm 2023 số thứ tự 21 | |
| 8 | Hoàng Gia Huy | 10C8 | Con của người nhiễm cất độc da cam | |
| 9 | Vũ Thị Hoài Thương | 10C8 | Hộ nghèo năm 2023 số thứ tự 26 | |
| 10 | Dương Ngô Trí | 10C9 | Khuyết tật | |
| 11 | Phạm Gia Hân | 10C9 | Hộ nghèo năm 2023 số thứ tự 71 | |
| 12 | Nguyễn Thị Hồng Hạnh | 10C9 | Hộ nghèo năm 2023 số thứ tự 22 | |
| 13 | Nguyễn Hải Ly | 10C10 | Hộ nghèo năm 2022 số GCN 32 | |
| 14 | Ngô Nguyễn Hải Yến | 10C10 | Hộ nghèo năm 2023 số Giấy chứng nhận 18 | |
| 15 | Vũ Văn Quang | 10C11 | Học sinh khuyết tật | |
| 16 | Bùi Thế Đan | 11B1 | Hộ nghèo năm 2023 số thứ tự 34 | |
| 17 | Vũ Như Quỳnh | 11B3 | Hộ nghèo năm 2023 số thứ tự 15 | |
| 18 | Nguyễn Thị Hường | 11B5 | Hộ nghèo năm 2023 số thứ tự 05 | |
| 19 | Phan Thị Thanh Thuý | 11B5 | Trẻ mồ côi | |
| 20 | Ngô Thị Yến | 11B8 | Hộ nghèo năm 2023 số thứ tự 71 | |
| 21 | Nguyễn Yến Phi | 12A1 | Hộ nghèo năm 2023 số thứ tự 34 | |
| 22 | Vũ Thị Như Quỳnh | 12A3 | Con thương binh | |
| 23 | Bùi Thị Vân Anh | 12A8 | Hộ nghèo số thứ tự 25 | |

Ngày tháng năm 2023

**Lập biểu**

**Thủ trưởng đơn vị**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THỤY HƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Trung Diện

**Trường THPT Thụy Hương** Biểu 02

# DANH SÁCH HỌC SINH DIỆN HỘ CẬN NGHÈO NĂM HỌC 2023-2024

| Stt | Họ và tên học sinh | Lớp | Ghi rõ đối tượng, năm.... | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Vũ Thị Quỳnh Anh | 10C3 | Hộ cận nghèo năm 2023 số thứ tự 14 | |
| 2 | Nguyễn Văn Nam | 10C4 | Hộ cận nghèo năm 2023 số thứ tự 17 | |
| 3 | Vũ Nhật Minh | 10C5 | Hộ cận nghèo năm 2023 số Giấy chứng nhận 58 | |
| 4 | Phạm Ngọc Nhi | 10C5 | Hộ cận nghèo năm 2023 số thứ tự 40 | |
| 5 | Hoàng Gia Huy | 10C8 | Hộ cận nghèo năm 2022 số thứ tự 86 | |
| 6 | Nguyễn Kim Phượng | 10C9 | Hộ cận nghèo năm 2022 số thứ tự 43 | |
| 7 | Nguyễn Khánh Linh | 10C10 | Hộ cận nghèo năm 2023 số Giấy chứng nhận 157 | |
| 8 | Hoàng Bảo Ngân | 10C10 | Hộ cận nghèo năm 2023 số thứ tự 12 | |
| 9 | Đoàn Minh Ngọc | 10C10 | Hộ cận nghèo năm 2022 số Giấy chứng nhận 111 | |
| 10 | Hà Thị Huế | 11B1 | Hộ cận nghèo năm 2023 số thứ tự 51 | |
| 11 | Nguyễn Minh Thuý | 11B2 | Hộ cận nghèo năm 2023 số thứ tự 39 | |
| 12 | Nguyễn Thị Diệu Linh | 11B3 | Hộ cận nghèo năm 2023 số thứ tự 39 | |
| 13 | Đỗ Anh Việt | 11B4 | Hộ cận nghèo năm 2023 số thứ tự 34 | |
| 14 | Nguyễn Đình Huy | 11B8 | Hộ cận nghèo năm 2023 số thứ tự 11 | |
| 15 | Lương Thu Hằng | 11B9 | Hộ cận nghèo năm 2023 số thứ tự 53 | |
| 16 | Trần Văn Minh | 12A1 | Hộ cận nghèo năm 2023 số thứ tự 37 | |
| 17 | Tăng Phan Kim Sáng | 12A1 | Hộ cận nghèo năm 2023 số thứ tự 33 | |
| 18 | Ngô Văn Nam | 12A2 | Hộ cận nghèo năm 2023 số thứ tự 29 | |
| 19 | Vũ Thị Hường | 12A3 | Hộ cận nghèo năm 2022 Giấy chứng nhận 104 | |
| 20 | Trần Vũ Ngọc Huyền | 12A5 | Hộ cận nghèo năm 2022 số Giấy chứng nhận 108 | |
| 21 | Đỗ Thị Kiều Vân | 12A5 | Hộ cận nghèo năm 2023 số thứ tự 21 | |
| 22 | Nguyễn Hà Phương | 12A5 | Hộ cận nghèo năm 2023 số thứ tự 22 | |
| 23 | Hoàng Mạnh Cương | 12A8 | Hộ cận nghèo năm 2023 số thứ tự 14 | |

Ngày tháng năm 2023

**Lập biểu**

**Thủ trưởng đơn vị**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THỤY HƯƠNG

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Trung Diện

**ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THPT THỤY HƯƠNG** Biểu 3

# DANH SÁCH HỌC SINH CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN CÓ XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG NĂM HỌC 2023-2024

| Stt | Họ tên học sinh | Lớp | Hoàn cảnh cụ thể | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Lê Thanh Hường | 10C5 | Ốm đau, hoàn cảnh khó khăn | |
| 2 | Lương Thuý Hiền | 10C6 | Bố mẹ li hôn, mẹ nuôi 3 chị em ăn học, hoàn cảnh khó khăn | |
| 3 | Lương Thuý Hoà | 10C6 | Bố mẹ li hôn, mẹ nuôi 3 chị em ăn học, hoàn cảnh khó khăn | |
| 4 | Vũ Đình Tú | 10C6 | Ba chị em ăn học, hoàn cảnh khó khăn | |
| 5 | Ngô Thị Diệu Linh | 10C8 | Mẹ bị ung thư, Hoàn cảnh gia đình khó khăn | |
| 6 | Dương An Thái | 10C10 | Bố mẹ ly hôn, hoàn cảnh khó khăn | |
| 7 | Phạm Hà Bắc | 10C11 | Gia đình có hoàn cảnh khó khăn | |
| 8 | Vũ Đình Tuấn | 10C11 | Ba chị em ăn học, hoàn cảnh khó khăn | |
| 9 | Ngô Xuân Mạnh | 11B1 | Mẹ mất, điều kiện kinh tế khó khăn | |
| 10 | Ngô Thị Trang | 11B4 | Hoàn cảnh gia đình khó khăn | |
| 11 | Bùi Quốc Toàn | 11B5 | Bố mất, mẹ già yếu, kinh tế khó khăn | |
| 12 | Đặng Lan Chi | 11B6 | Mẹ mất, điều kiện kinh tế khó khăn | |
| 13 | Phạm Thị Như Quỳnh | 11B6 | Bố mất sớm, điều kiện kinh tế khó khăn | |
| 14 | Đỗ Thị Loan | 11B7 | Bố mất sớm, mẹ đi xây dựng gia đình, ở với bà, kinh tế khó khăn | |
| 15 | Phạm Thị Thuý Mai | 11B8 | Bố đau ốm, mẹ lao động tự do, kinh tế khó khăn | |
| 16 | Nguyễn Minh Ngọc | 11B8 | Hoàn cảnh gia đình khó khăn | |
| 17 | Trần Thị Hồng | 11B8 | Hoàn cảnh gia đình khó khăn | |
| 18 | Lê Thị Hải Trang | 11B8 | Hoàn cảnh gia đình khó khăn | |
| 19 | Lê Thị Hải Yến | 11B8 | Hoàn cảnh gia đình khó khăn | |
| 20 | Phạm Đức Minh | 11B9 | Sinh đôi, gia đình có hoàn cảnh khó khăn | |
| 21 | Phạm Minh Đức | 11B9 | Sinh đôi, gia đình có hoàn cảnh khó khăn | |
| 22 | Phạm Thị Khánh Hương | 11B9 | Mẹ bị bệnh, kinh tế khó khăn | |
| 23 | Nguyễn Thị Thảo Ngọc | 12A1 | Bố bị nhiễm chất độc hóa học, đau ốm, hoàn cảnh khó khăn | |
| 24 | Nguyễn Thành Dương | 12A1 | Mẹ đơn thân, 1 mình nuôi 3 con ăn học, kinh tế khó khăn | |
| 25 | Nguyễn Tiến Đạt | 12A2 | Mẹ đơn thân, Gia đình khó khăn | |
| 26 | Phan Văn Quyến | 12A5 | Gia đình có hoàn cảnh khó khăn | |
| 27 | Nguyễn Thị Yến Chi | 12A7 | Mẹ sức khoẻ yếu, nhà đông con, kinh tế khó khăn | |
| 28 | Nguyễn Thị Ngọc | 12A7 | Bố mất, 1 mình mẹ nuôi 2 chị em, kinh tế khó khăn | |
| 29 | Phạm Hải Long | 12A9 | Bố mẹ ly hôn, bố mất sức lao động | |
| 30 | Đặng Bảo Yến | 12A9 | Bố mất sớm, điều kiện kinh tế khó khăn | |

**Người lập** **Thủ trưởng đơn vị**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THỤY HƯƠNG

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Trung Diện

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THPT THỤY HƯƠNG

Biểu 4

# DANH SÁCH HỌC SINH CÓ ANH CHỊ EM RUỘT HỌC CÙNG TRƯỜNG
## NĂM HỌC 2023 - 2024

| TT | Họ tên học sinh | Lớp | Tên Anh chị em học cùng trường | Lớp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Bảo Nam | 10C1 | Nguyễn Quang Minh | 12A1 | |
| 2 | Phạm Hoàng Quyết | 10C2 | Phạm Hoàng Thắng | 10C2 | |
| 3 | Phạm Hoàng Thắng | 10C2 | Phạm Hoàng Quyết | 10C2 | |
| 4 | Nguyễn Văn Nam | 10C3 | Nguyễn Thị Giang | 12A8 | |
| 5 | Lương Thuý Hiền | 10C6 | Lương Thuý Hoà | 10C6 | |
| 6 | Lương Thuý Hoà | 10C6 | Lương Thuý Hiền | 10C6 | |
| 7 | Phạm Gia Linh | 10C6 | Nguyễn Thị Lan | 11B10 | |
| 8 | Vũ Đình Tú | 10C6 | Vũ Thị Ngân | 10C11 | |
| 9 | Nguyễn Thị Linh | 10C6 | Nguyễn Kiều Thanh | 11B10 | |
| 10 | Nguyễn Đức Luân | 10C7 | Nguyễn Thị Thảo Mai | 11B10 | |
| 11 | Bùi Đức Duy | 10C7 | Bùi Đức Huy | 12A9 | |
| 12 | Vũ Thị Minh Phương | 10C7 | Vũ Văn Đức | 12A7 | |
| 13 | Bùi Minh Hằng | 10C7 | Bùi Đức Mạnh | 12A1 | |
| 14 | Vũ Thảo Vân | 10C7 | Vũ Phương Thảo | 12A5 | |
| 15 | Vũ Đình Tuấn | 10C11 | Vũ Đình Tú | 10C6 | |
| 16 | Vũ Bảo Long | 11B2 | Vũ Bảo Việt | 11B2 | |
| 17 | Vũ Bảo Việt | 11B2 | Vũ Bảo Long | 11B2 | |
| 18 | Đỗ Thị Khánh Hoà | 11B2 | Đỗ Hồng Ánh | 12A2 | |
| 19 | Ngô Thị Thu Trang | 11B2 | Ngô Trang Anh | 10C9 | |
| 20 | Phạm Thị Yến | 11B6 | Phạm Thị Nhi | 11B6 | |
| 21 | Phạm Thị Nhi | 11B6 | Phạm Thị Yến | 11B6 | |
| 22 | Nguyễn Minh Anh | 11B7 | Nguyễn Minh Ánh | 11B7 | |
| 23 | Nguyễn Minh Ánh | 11B7 | Nguyễn Minh Anh | 11B7 | |
| 24 | Phạm Minh Đức | 11B9 | Phạm Đức Minh | 11B9 | |
| 25 | Phạm Đức Minh | 11B9 | Phạm Minh Đức | 11B9 | |
| 26 | Nguyễn Kiều Thanh | 11B10 | Nguyễn Thị Linh | 10C6 | |
| 27 | Nguyễn Thị Mai Thảo | 11B10 | Nguyễn Đức Luân | 10C7 | |
| 28 | Nguyễn Thành Dương | 12A1 | Nguyễn Tiến Đạt | 12A2 | |
| 29 | Đỗ Hồng Ánh | 12A2 | Đỗ Thị Khánh Hoà | 11B2 | |
| 30 | Nguyễn Tiến Đạt | 12A2 | Nguyễn Thành Dương | 12A1 | |
| 31 | Vũ Minh Đức | 12A5 | Vũ Thị Minh Phương | 10C7 | |
| 32 | Cao Thị Mai | 12A6 | Cao Thị Phượng | 12A4 | |
| 33 | Nguyễn Thị Giang | 12A8 | Nguyễn Văn Nam | 10C3 | |
| 34 | Bùi Đức Huy | 12A9 | Bùi Đức Duy | 10C7 | |
| 35 | Cao Thị Phượng | 12A4 | Cao Thị Mai | 12A6 | |
| 36 | Đào Thị Quỳnh Chi | 10C4 | Đào Thị Yến Nhi | 10C4 | |
| 37 | Đào Thị Yến Nhi | 10C4 | Đào Thị Quỳnh Chi | 10C4 | |
| 38 | Nguyễn Hồng Thuận | 10C4 | Nguyễn Hồng Vượng | 10C4 | |
| 39 | Nguyễn Hồng Vượng | 10C4 | Nguyễn Hồng Thuận | 10C4 | |
| 40 | Ngô Trang Anh | 10C9 | Ngô Thị Thu Trang | 11B2 | |

Ngày tháng năm 2023

**Người lập**

**Thủ trưởng đơn vị**

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Trung Diện

SỞ GD&ĐT HẢI PHÒNG

**TRƯỜNG THPT THUỴ HƯƠNG**

# DANH SÁCH HỌC SINH CÓ THẺ BẢO HIỂM Y TẾ
## NĂM HỌC 2023- 2024

| STT | Họ và tên học sinh | Lớp | Đối tượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bùi Quang Huy | 10C1 | Con bộ đội | |
| 2 | Đỗ Đức Việt Trung | 10C1 | Con bộ đội | |
| 3 | Cao Kỳ Anh | 10C3 | Hộ nghèo | |
| 4 | Đinh Thị Khánh Ly | 10C3 | Khuyết tật | |
| 5 | Vũ Thị Quỳnh Anh | 10C3 | Hộ nghèo | |
| 6 | Nguyễn Thị Hoàng Anh | 10C3 | Con bộ đội | |
| 7 | Hoàng Gia Khanh | 10C4 | Hộ nghèo | |
| 8 | Bùi Thị Thanh Huyền | 10C4 | Hộ nghèo | |
| 9 | Nguyễn Văn Nam | 10C4 | Hộ Cận nghèo | |
| 10 | Phạm Thị Sao Mai | 10C4 | Con thương binh | |
| 11 | Phạm Thị Khánh Ly | 10C5 | Người nghèo | |
| 12 | Vũ Nhật Minh | 10C5 | Cận nghèo | |
| 13 | Phạm Ngọc Nhi | 10C5 | Cận nghèo | |
| 14 | Nguyễn Thị Hồng Hạnh | 10C9 | Hộ nghèo | |
| 15 | Phạm Gia Hân | 10C9 | Hộ nghèo | |
| 16 | Nguyễn Kim Phượng | 10C9 | Cận nghèo | |
| 17 | Phạm Anh Đức | 10C9 | Cận nghèo | |
| 18 | Đỗ Thị Thu Hà | 10C10 | Bị bệnh | |
| 19 | Đoàn Minh Ngọc | 10C10 | Hộ Cận nghèo | |
| 20 | Hoàng Bảo Ngân | 10C10 | Hộ Cận nghèo | |
| 21 | Nguyễn Hải Ly | 10C10 | Hộ nghèo | |
| 22 | Nguyễn Khánh Linh | 10C10 | Hộ Cận nghèo | |
| 23 | Ngô Nguyễn Hải Yến | 10C10 | Hộ nghèo | |
| 24 | Đỗ Minh Hải | 11B2 | Thân nhân quân đội | |
| 25 | Nguyễn Thị Mai Phương | 11B3 | Thân nhân ngành y | |
| 26 | Vũ Thị Hường | 11B3 | Hộ cận nghèo | |
| 27 | Nguyễn Thị Hường | 11B5 | Hộ nghèo | |
| 28 | Phan Thị Thanh Thuý | 11B5 | Trẻ mồ côi | |
| 29 | Đặng Thị Trà My | 11B6 | Thân nhân quân đội | |
| 30 | Nguyễn Thị Tuyết | 11B6 | Đã có BH nhân thọ | |
| 31 | Tăng Phan Kim Sáng | 12A1 | Hộ Cận nghèo | |
| 32 | Nguyễn Yến Phi | 12A1 | Hộ nghèo | |
| 33 | Trần Văn Minh | 12A1 | Hộ Cận nghèo | |
| 34 | Tăng Thị Như Quỳnh | 12A2 | Thân nhân quân đội | |
| 35 | Nguyễn Thị Mai Phương | 12A3 | Con NV ngành y tế | |
| 36 | Vũ Thị Hường | 12A3 | hộ cận nghèo | |
| 37 | Đỗ Thị Kiều Vân | 12A5 | Hộ Cận nghèo | |
| 38 | Bùi Thị Vân Anh | 12A8 | Hộ nghèo | |
| 39 | Hoàng Mạnh Cương | 12A8 | Hộ cận nghèo | |

*Ngày tháng năm 2023*

**Người lập biểu**

**Thủ trưởng đơn vị**

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Trung Diện

SỞ GD&ĐT HẢI PHÒNG
**TRƯỜNG THPT THUỴ HƯƠNG**

Biểu 5

**DANH SÁCH HỌC SINH LÀ CON GIÁO VIÊN, NV NHÀ TRƯỜNG**
**NĂM HỌC 2023- 2024**

*(Kèm theo Quyết định số:245/QĐ-THPTTH ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường THPT Thuỵ Hương)*

| STT | Họ và tên học sinh | Lớp | Họ tên GV, NV | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Minh Hoàng | 10C1 | Nguyễn Thị Luyên | |
| 2 | Phạm Anh Tú | 10C1 | Mai Hương Thuỳ | |
| 3 | Đoàn Thuỳ Anh | 10C2 | Nguyễn Thị Thuỳ | |
| 4 | Bùi Công Nghĩa | 12A3 | Lê Thị Hương | |
| 5 | Nguyễn Khánh Linh | 11B5 | Nguyễn Chi Phương | |

*Ngày 29 tháng 9 năm 2023*

**Người lập biểu**

**Thủ trưởng đơn vị**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THUỴ HƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Trung Diện